BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Kinh doanh quốc tế **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			17						
14	IB4500	Nhập môn ngành Kinh doanh quốc tế	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					2
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					2
25	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					2
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**						
26	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					1
27	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
28	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		2
29	EC4003	Luật kinh tế	2	30					3
30	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30					3
II. Kiến thức cơ sở ngành			**23**						
2.1 Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**21**						
31	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					4
32	EC4005	Marketing căn bản	3	45					1
33	EC4009	Quản trị học	3	45					1
34	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				2
35	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					2
36	EC4106	Kinh tế quốc tế	3	45					5
37	EC4010	Toán kinh tế	3	45			EC4002		3
2.2 Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**2**						
38	IB4001	Thuế	2	30			EC4003		3
39	EC5002	Kinh tế phát triển	2	30					3
40	IB4004	Hành vi khách hàng	2	30					3
III. Kiến thức chuyên ngành			**37**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**27**						
41	IB4005	Kinh tế đối ngoại	2	30					3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
42	IB4007	Luật thương mại quốc tế	2	30			EC4003		4
43	EC4242	Thanh toán quốc tế	3	45			EC4004		4
44	EC4219	Marketing quốc tế	3	45			EC4005		5
45	EC4146	Quản trị nhân lực	3	45			EC4009		5
46	IB4008	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45			EC4242		5
47	IB4009	Tiếng Anh chuyên ngành kinh doanh quốc tế	3	45					6
48	IB4020	Quản trị đa văn hóa	3	45			EC4009		5
49	IB4010	Quản trị chiến lược quốc tế	3	45			EC4009		7
50	IB4019N	Quản trị xuất nhập khẩu	2	45			EC4009		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**10**						
3.2.1 Nhóm 1 (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
51	IB4012N	Dự báo kinh doanh	2	20	20		EC5001		4
52	IB4014	Kế toán quốc tế	2	30					4
53	IB4015	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	30					4
3.2.2 Nhóm 2 (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
54	IB4016	Quan hệ công chúng	2	30			EC4005		7
55	IB4017	Digital Marketing	2	30			EC4005		7
56	IB4018	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	2	30			EC4005		7
57	EC4226	Quản trị bán hàng	2	30			EC4005		7
3.2.3 Nhóm 3 (chọn 3 tín chỉ)			**3**						
58	EC4225	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			EC4009		6
59	IB4011	Đầu tư quốc tế	3	45					6
60	EC4230	Quản trị hành chính văn phòng	3	35	20		EC4009		6
61	IB4021	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	45			EC4004		6
3.2.4 Nhóm 4 (chọn 3 tín chỉ)			**3**						
62	IB4022	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3	45			EC4009		7
63	IB4023	Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp	3	45					7
64	IB4006	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	3	45			EC4009		7
65	PM4005	Quản trị dự án đầu tư	3	45					7
IV. Khối kiến thức bổ trợ			**9**						
66	EC4163	Ứng dụng phần mềm PT định lượng trong kinh tế	3	30	30		EC4008		4
67	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		6
68	EC4346	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	3	45					6
V. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**15**						
69	IB4401	Thực tế nghề nghiệp 1	3	15	60				7
70	IB4402	Thực tế nghề nghiệp 2	3	15	60		IB4401		6
71	IB4491N	Thực tập cơ sở	3		180		IB4402		7
72	IB4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		240				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
73	IB4299	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
6.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
74	IB4025	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	45					8
75	IB4026	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	45					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			107						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			14						